



**BỘ CÔNG THƯƠNG  
CỤC XUẤT NHẬP KHẨU**

**TẬN DỤNG QUY TẮC XUẤT XỨ  
ĐỂ HƯỞNG ƯU ĐÃI TRONG CÁC CAM KẾT  
HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

Tháng 8 - 2013



## **Các hiệp định FTA mà Việt Nam đã tham gia**

| <b>Hiệp định</b>        | <b>Mẫu C/O</b> |
|-------------------------|----------------|
| ATIGA                   | D              |
| ASEAN – Hàn Quốc        | AK             |
| ASEAN – Trung Quốc      | E              |
| ASEAN – Nhật Bản        | AJ             |
| ASEAN – Ấn Độ           | AI             |
| ASEAN – Úc & Niu Di-lân | AANZ           |



- I. Qui tắc xuất xứ**
- II. Thủ tục cấp Chứng nhận xuất xứ**
- III. Xuất trình Giấy chứng nhận xuất xứ để được hưởng ưu đãi thuế**



# I. Quy tắc xuất xứ

- ❖ Hàng hóa có xuất xứ
- ❖ Quy tắc áp dụng cho những mặt hàng cụ thể (PSR)
- ❖ Cộng gộp
- ❖ Những công đoạn gia công, chế biến đơn giản
- ❖ Tỷ lệ không đáng kể nguyên liệu không đáp ứng tiêu chí CTC (*De Minimis*)
- ❖ Phụ kiện, phụ tùng và dụng cụ

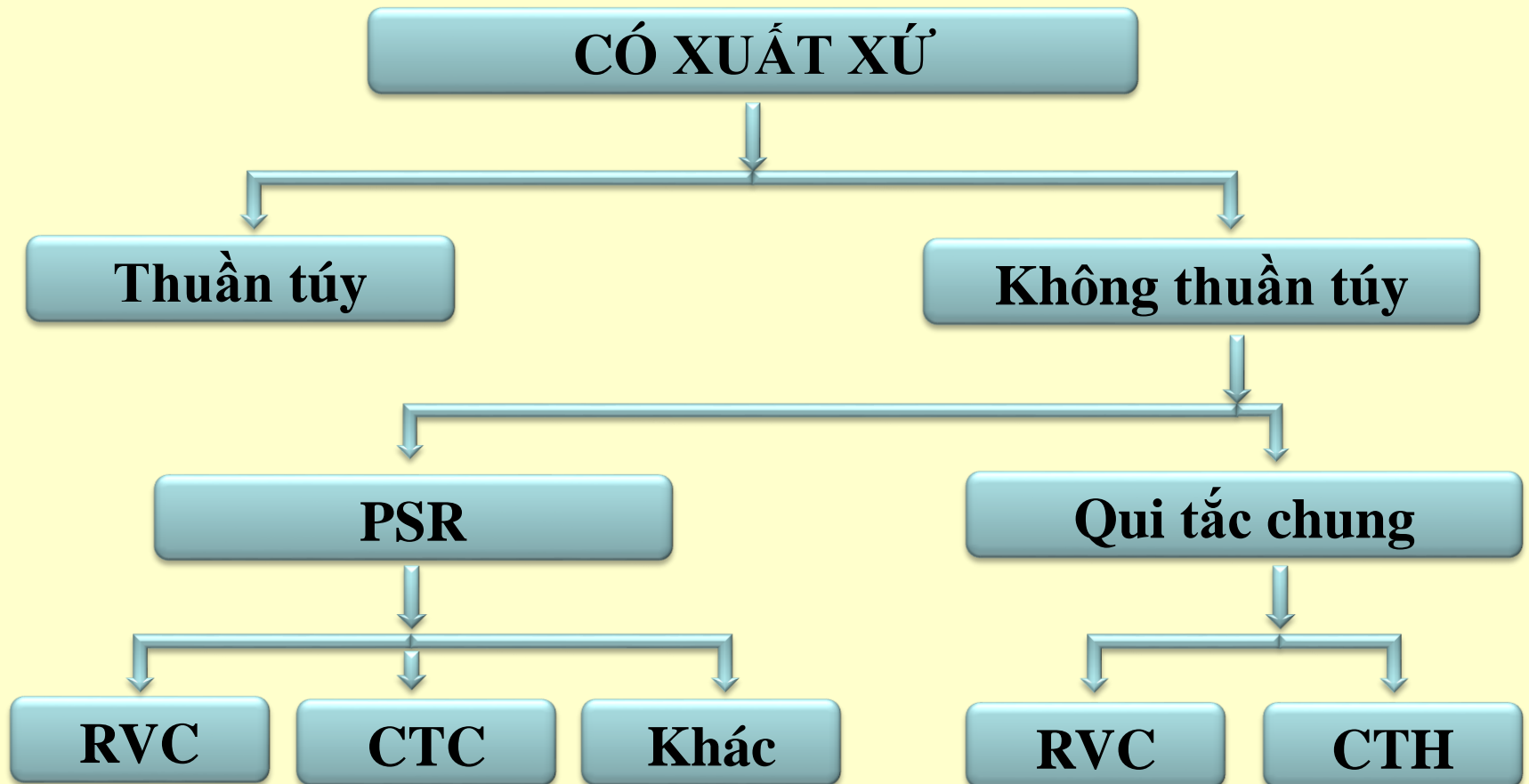


## **Quy tắc xuất xứ (tiếp theo ...)**

- ❖ Nguyên vật liệu giống nhau và có thể thay thế nhau
- ❖ Quy định về bao bì và vật liệu đóng gói
- ❖ Các yếu tố trung gian
- ❖ Vận chuyển trực tiếp



# Hàng hóa có xuất xứ





# **Xuất xứ thuần túy**

1. Cây trồng và các sản phẩm từ cây trồng
2. Động vật sống
3. Sản phẩm thu được từ động vật sống
4. Sản phẩm thu được từ săn bắn, nuôi trồng, thu lượm
5. Khoáng sản và các chất sản sinh tự nhiên
6. Sản phẩm đánh bắt và các sản phẩm từ biển
7. Sản phẩm được chế biến hoặc được sản xuất ngay trên tàu



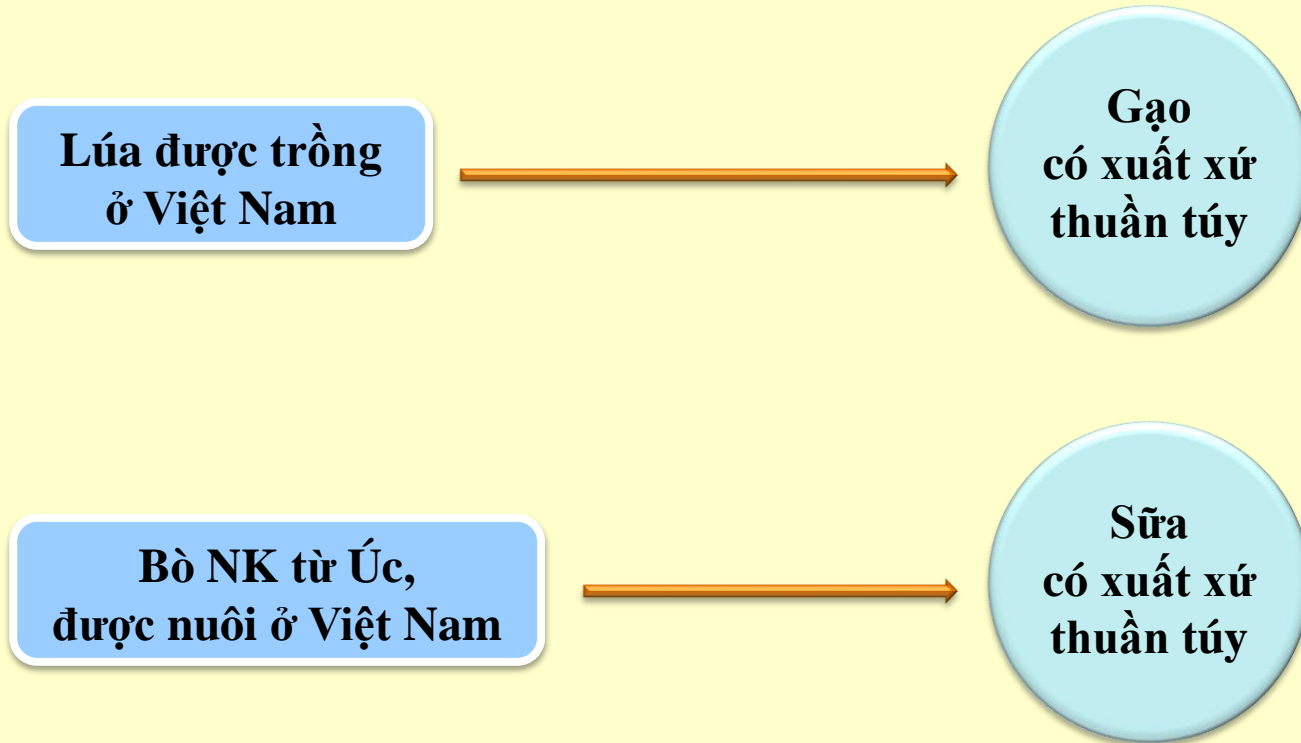
## **Xuất xứ thuần túy (tiếp theo ...)**

8. Sản phẩm khai thác từ đáy biển hoặc dưới đáy biển bên ngoài vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa
9. Phế thải và phế liệu có nguồn gốc từ quá trình sản xuất và tiêu dùng
10. Sản phẩm thu được hoặc được sản xuất từ các loại hàng hóa từ 1 đến 9





# Xuất xứ thuần túy (tiếp theo ...)





# **Xuất xứ không thuần túy – Quy tắc chung**

- ✦ Hàm lượng giá trị khu vực
- ✦ Nguyên liệu trải qua quá trình chuyển đổi
- ✦ Kết hợp cả hai (AI)



# Quy tắc chung - RVC

## ❖ Cách tính trực tiếp

$$RVC = \frac{\text{Chi phí NL có xuất xứ} + \text{Chi phí nhân công} + \text{Chi phí sản xuất} + \text{Chi phí khác} + \text{Lợi nhuận}}{\text{FOB}} \times 100$$

## ❖ Cách tính gián tiếp

$$RVC = \frac{\text{FOB} - \text{Chi phí NL không có xuất xứ}}{\text{FOB}} \times 100$$



# Quy tắc chung - CTH

Nguyên liệu A **AAAA.AA.AA**

Nguyên liệu B **BBBB.BB.BB**

Nguyên liệu ... **YYYY.YY.YY**

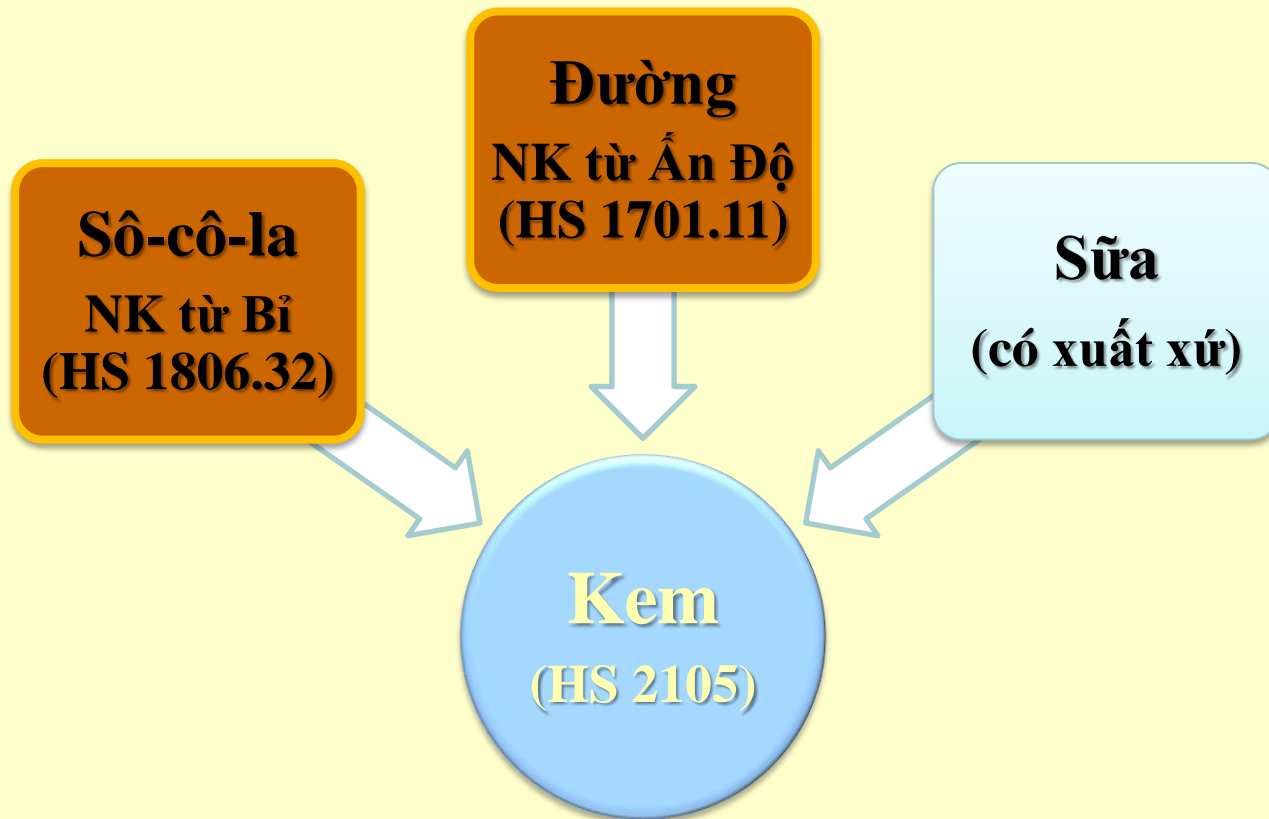
---

**Hàng hóa xuất khẩu XXXX.XX.XX**

- ❖ *Chỉ áp dụng với những nguyên liệu không có xuất xứ*



# Quy tắc chung - CTH





# Quy tắc xuất xứ áp dụng cho những mặt hàng cụ thể - PSR

- ❖ Hàm lượng giá trị khu vực
- ❖ Nguyên liệu trải qua quá trình chuyển đổi

Nguyên liệu A

**AAAA.AA.AA**

Nguyên liệu B

**BBBB.BB.BB**

Nguyên liệu ...

**YYYY.YY.YY**

**Hàng hóa xuất khẩu**

**XXXX.XX.XX**

- ❖ Công đoạn gia công, sản xuất đặc trưng
- ❖ Các tiêu chí khác

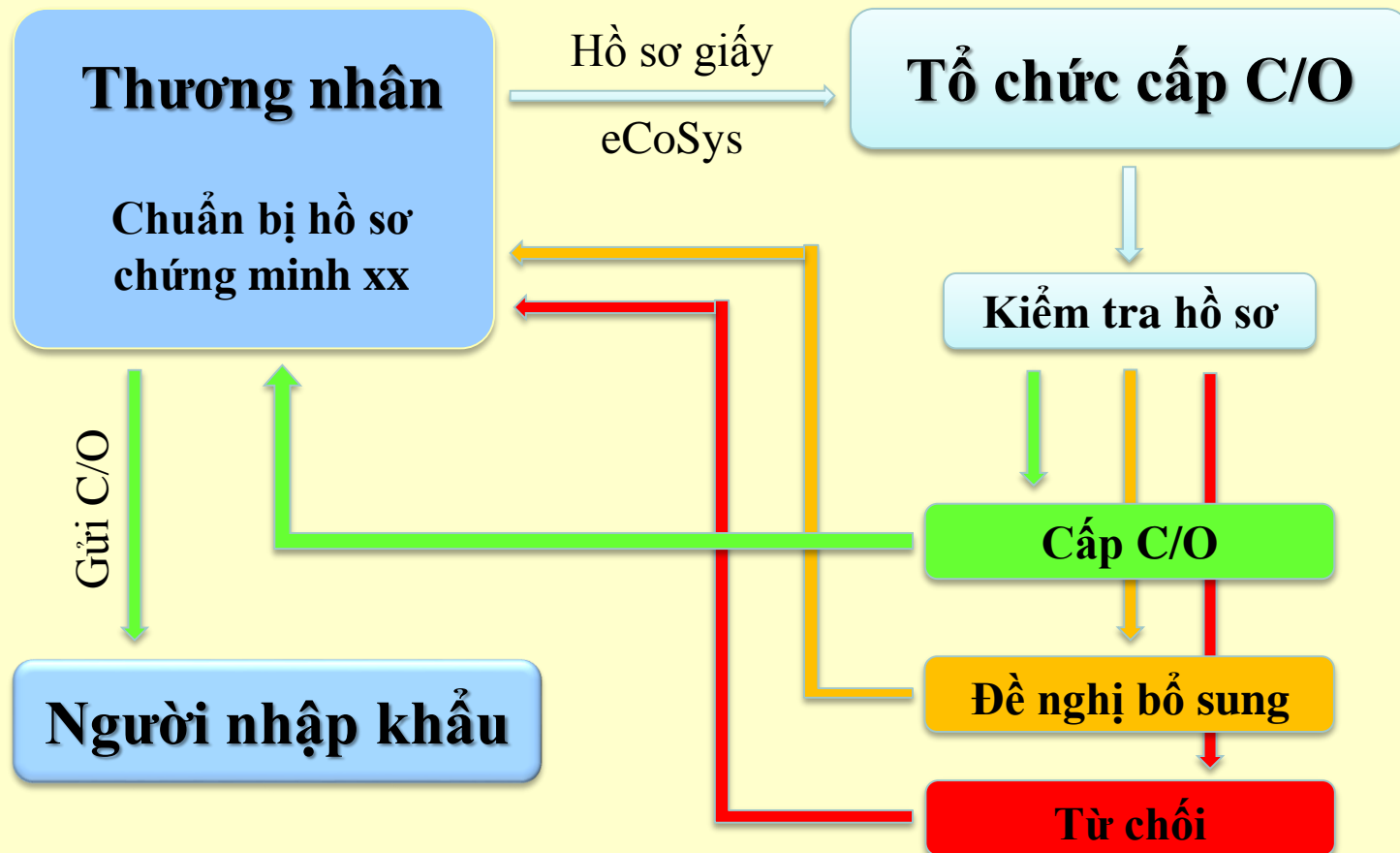


## Những quy tắc khác

- ❖ Cộng gộp
- ❖ Công đoạn gia công đơn giản
- ❖ Tỷ lệ không đáng kể ng.liệu không đáp ứng CTC
- ❖ Phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ, tài liệu hướng dẫn
- ❖ Nguyên liệu giống nhau và có thể thay thế nhau
- ❖ Bao bì và vật liệu đóng gói
- ❖ Các yếu tố trung gian
- ❖ Vận chuyển trực tiếp



## II. Thủ tục cấp Chứng nhận xuất xứ







## **Văn bản pháp quy**

- **Nghị định 19/2006/NĐ-CP**
- **Thủ tục hành chính chung:**
  - Thông tư 06/2011/TT-BCT
  - Thông tư 01/2013/TT-BCT
  - Quyết định 18/2007/QĐ-BTM
- **Quy định riêng cho C/O mẫu D**
  - Thông tư 21/2010/TT-BCT



## **Văn bản pháp quy (tiếp theo ...)**

- **Quy định riêng cho C/O mẫu AK**
  - ❑ Quyết định 02/2007/QĐ-BTM
  - ❑ Quyết định 05/2007/QĐ-BCT
  - ❑ Thông tư 17/2009/TT-BCT
  - ❑ Thông tư 38/2009/TT-BCT
  
- **Quy định riêng cho C/O mẫu E**
  - ❑ Quyết định 12/2007/QĐ-BTM
  - ❑ Thông tư 36/2010/TT-BCT
  - ❑ Thông tư 01/2011/TT-BCT



## **Văn bản pháp quy (tiếp theo ...)**

- Quy định riêng cho C/O mẫu AJ & VJ
  - Quyết định 44/2008/QĐ-BCT
  - Thông tư 10/2009/TT-BCT
- Quy định riêng cho C/O mẫu AI
  - Thông tư 15/2010/ TT-BCT
- Quy định riêng cho C/O mẫu AANZ
  - Thông tư 33/2009/TT-BCT



## Tổ chức cấp C/O

- ❖ Những cơ quan, đơn vị được Bộ Công Thương ủy quyền
  - ❑ 18 phòng quản lý XNK khu vực
  - ❑ Các ban quản lý khu CN / khu CX ...

## Hình thức cấp

- ❑ C/O giấy: Thương nhân nộp hồ sơ tại các phòng quản lý XNK khu vực hoặc ban quản lý khu CN/CX ...
- ❑ C/O điện tử: Đăng ký qua eCoSys hoặc [NSW](#)



# Một số lưu ý khi kê khai C/O

- Mã HS của nước nhập khẩu
- Ghi giá FOB trên C/O
- Cấp sau - “ISSUED RETROACTIVELY”
  - 3 ngày < Thời điểm cấp C/O ≤ 12 tháng
- Phụ lục hoặc bản đính kèm
- C/O giáp lưng (Back-to-Back)
- Gửi hàng trực tiếp/gián tiếp



## III. Xuất trình C/O để được hưởng ưu đãi

- Thời điểm xuất trình C/O
  - Khi khai báo hải quan để nhập khẩu
  - Hiệu lực trong vòng 12 tháng
- Ngoại lệ: FOB  $\leq$  200\$
- Khi C/O bị từ chối
  - Thông báo cho người XK
    - Lý do bị từ chối
    - Cảng/cửa khẩu nhập hàng
    - Yêu cầu C/O mới không có sai sót



# Hỏi vs Đáp

**Phòng Xuất xứ hàng hóa**  
**CỤC XUẤT NHẬP KHẨU – BỘ CÔNG THƯƠNG**

54 Hai Bà Trưng, Hà Nội / Tel.: (+84) 4 2220 5444



**Xin cảm ơn !**